

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HS-ST

Ngày: 15-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thường

Ông Lê Văn Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 62/2022/QĐXXST-HS ngày 31/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn Th**, sinh năm 1998, tại: Bình Phước; nơi cư trú: Số nhà 380, đội 1, ấp 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định và bà Trần Thị Nh, sinh năm 1979; bị cáo có 01 con ruột sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* ***Bị hại:*** Chị Bùi Thị Vân T, sinh năm 2005; Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (xin vắng)

* ***Người đại diện hợp pháp của bị hại:*** Bà Trần Thị T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 177, đội 2, ấp 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1979; Địa chỉ: Đội 1, ấp 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn Th bị Viện kiểm sát nhân dân (KSND) huyện Đ, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 12/6/2020, Trần Văn Th quen biết với Bùi Thị Vân T (15 tuổi, 05 tháng, 25 ngày tính đến ngày 31/8/2020) thông qua mạng xã hội Facebook, cả hai nảy sinh tình cảm với nhau. Trong tháng 8/2020 (không nhớ rõ ngày), T điều khiển

xe đạp điện đến nhà Th tại 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước chơi, Th và T đã quan hệ tình dục với nhau trong phòng ngủ của Th. Đến tháng 9/2020, T bỏ nhà đi đến nhà Th ở, tại đây Th và T thường xuyên quan hệ tình dục với nhau. Đến ngày 06/01/2021, T về nhà tại ấp 3, xã Đ, huyện Đ, Trần Thị T2 (mẹ của T) đưa T đi khám sức khỏe tại Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Bình Phước, kết quả siêu âm phát hiện T “Có một thai sống trong tử cung # 9 - 10 tuần”. Ngày 20/7/2021, bà T2 đã đến Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước tố cáo hành vi của Th. Cùng ngày, Công an xã Đ đã báo cáo, chuyển giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Trần Văn Th khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 19/2021/TD ngày 21/01/2021 Trung tâm giám định y khoa - pháp y tỉnh Bình Phước kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Toàn thân không thấy dấu vết tổn thương. Lông mu, môi lớn, môi bé, âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn, hậu môn không có dấu vết tổn thương. Màng trinh giãn, đường kính khoảng 1,5cm; có vết rách cũ vị trí 3 giờ, 9 giờ; không bầm tím, không xung huyết. Hiện tại có 01 thai sống ngòai di động khoảng 12 tuần trong tử cung.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 00%”.

Ngày 27/01/2022, Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số: 343/C09B, kết luận: Trần Văn Th và Bùi Thị Vân T có quan hệ huyết thống cha - mẹ - con với bé Trần Xuân Tr.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 23/8/2022, Viện KSND huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Trần Văn Th về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện KSND huyện Đ, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn Th phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 03 năm đến 04 năm tù. Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì T2 và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Th khai nhận hành vi phạm tội như sau: Thông qua sự quen biết trên mạng xã hội Facebook, giữa bị cáo và bị hại nảy sinh tình cảm, nên từ khoảng tháng 8 đến tháng 9/2020, bị cáo đã có hành vi nhiều lần giao cấu với bị hại tại ấp 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước làm T có thai.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo (BL 69-75); lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản khám nghiệm hiện trường; bản ảnh hiện trường; kết luận giám định pháp y (Bl 65-68) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi bị hại 15 tuổi, 05 tháng, 25 ngày (vào thời điểm 31/8/2020) nên đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; phạm tội 02 lần trở lên và làm nạn nhân có thai, đây là những tình tiết định khung quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 BLHS. Do đó, bản Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 23/8/2022 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật nhưng vì sự ham muốn sinh lý của bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe, sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em được pháp luật hình sự bảo vệ mặc dù có sự tự nguyện đồng ý của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vụ việc xảy ra một phần do bị cáo và bị hại có quan hệ tình cảm; bị hại tự nguyện; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là một trong những lao động chính của gia đình. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đang nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về vật chứng: Không có.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thị Vân T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Th phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

2. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2022.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn Th phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- VKSND tỉnh Bình Phước (01)
- VKSND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01);
- PV06 - CA tỉnh Bình Phước (01);
- Công an huyện (gồm: Nhà tạm giữ, Đội hồ sơ nghiệp vụ, Đội điều tra CA huyện) (03);
- TT lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng (01);
- Lưu (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh

